TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 01 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Ân.

2. Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 536/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Biện Thị Ái N, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tạ Văn S, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Biện Thị Ái N trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2014 bà và ông Tạ Văn S chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay tranh cải đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn S. Về con chung có 02 người tên là Tạ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 13/9/2015 và Tạ Kinh A (giới tính nữ), sinh ngày 08/7/2018 hiện tại do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu tiếp tục nuôi không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Tạ Văn S đã được triệp tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã V, huyện P, tỉnh C xác định: Bà Biện Thị Ái N và ông Tạ Văn S không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Biện Thị Ái N ly hôn với ông Tạ Văn S. Giao con chung tên là Tạ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 13/9/2015 và Tạ Kinh A (giới tính nữ), sinh ngày 08/7/2018 cho bà Biện Thị Ái N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Biện Thị Ái N về việc không yêu cầu ông Tạ Văn S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Biện Thị Ái N yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Tạ Văn S nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Biện Thị Ái N xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 để xét xử vắng mặt. Ông Tạ Văn S vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Biện Thị Ái N và ông Tạ Văn S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Biện Thị Ái N và ông Tạ Văn S được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay tranh cải mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Biện Thị Ái N yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn S. Ông Tạ Văn S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Tạ Văn S không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Biện Thị Ái N và ông Tạ Văn S đã và đang trầm trọng, bà Biện Thị Ái N cương quyết

yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Biện Thị Ái N yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn S là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Có 02 người tên là Tạ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 13/9/2015 và Tạ Kinh A (giới tính nữ), sinh ngày 08/7/2018 hiện tại do bà Biện Thị Ái N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nhi yêu cầu tiếp tục nuôi không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu Tạ Duy K có nguyện vọng muốn chung sống cùng với mẹ là bà Biện Thị Ái N; đối với cháu Tạ Kim Anh hiện chưa tròn 07 tuổi đang do bà Biện Thị Ái N nuôi, cháu rất cần được sự chăm sóc của người mẹ nên việc tiếp tục giao cả 02 cháu cho bà Biện Thị Ái N nuôi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Biện Thị Ái N về việc không yêu cầu ông Tạ Văn S cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Biện Thị Ái N xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Biện Thị Ái N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Biện Thị Ái N ly hôn với ông Tạ Văn S.

2. Về con chung: Giao Tạ Duy K (giới tính nam), sinh ngày 13/9/2015 và Tạ Kinh A (giới tính nữ), sinh ngày 08/7/2018 cho bà Biện Thị Ái N chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Tạ Duy K và Tạ Kim Anh đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Tạ Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Biện Thị Ái N về việc không yêu cầu ông Tạ Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tạ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Biện Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Biện Thị Ái N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018242, ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã V, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước